TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 12 – 2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bé Ngọc

Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp 9A2, xã B, huyện N, tỉnh H (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp 9A2, xã B, huyện N, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn M và chị Phan Thị H tự nguyện tiến

tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 12/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh H.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cự cải làm cho cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên anh Phạm Văn M và chị Phan Thị H đã ly thân hơn 03 năm nay. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị H.

Về con chung: Có 02 người con tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày: 29/11/2011 (Giới tính: Nữ) và Phạm Văn G, sinh ngày: 11/9/2014 (Giới tính: Nam) đang sống với anh Phạm Văn M nên sau khi ly hôn anh Phạm Văn M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Phan Thị H để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M được ly hôn với chị Phan Thị H. Về con chung anh Phạm Văn M được tiếp tục nuôi dưỡng Phạm Thị Thúy H và Phạm Văn G, anh Phạm Văn M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Anh Phạm Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phan Thị H đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn"*, căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn M: Để chứng minh cho việc yêu cầu ly hôn của mình là có căn cứ, anh Phạm Văn M đã cung cấp giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và các tài liệu đơn xin xác nhận nơi cư trú của chị Phan Thị H (bản chính). Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của anh Phạm Văn M trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh Phạm Văn M và chị Phan Thị H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã ly thân hơn 03 năm cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị không đoàn tụ được và trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với chị Phan Thị H. Cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhận thấy, yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn M là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 người con tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày: 29/11/2011 (Giới tính: Nữ) và Phạm Văn G, sinh ngày: 11/9/2014 (Giới tính: Nam). Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, anh Phạm Văn M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Phạm Thị Thúy H và Phạm Văn G phát triển tốt về vật chất lẫn tinh thần. Sau khi hôn anh Phạm Văn M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của Phạm Thị Thúy H và Phạm Văn G. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của Phan Phạm Thị Thúy H và Phạm Văn G, Hội đồng xét xử xét thấy, việc tiếp tục giao cho anh Phạm Văn M được nuôi dưỡng Phạm Thị Thúy H và Phạm Văn G là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn M chưa yêu cầu chị Phan Thị H cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị Phan Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị H vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của vợ chồng có hay không. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M được ly hôn với chị Phan Thị H.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn M được tiếp tục nuôi dưỡng Phạm Thị Thúy H, sinh ngày: 29/11/2011 (Giới tính: Nữ) và Phạm Văn G, sinh ngày: 11/9/2014 (Giới tính: Nam). Anh Phạm Văn M chưa yêu cầu chị Phan Thị H cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị Phan Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Phạm Văn M và chị Phan Thị H đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho anh Phạm Văn M và chị Phan Thị H thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0001237, ngày 02/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyên đơn anh Phạm Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn chị Phan Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lư Trường Tây

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Vị Thủy;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.